

Số: **372/2023/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 16 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 393/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hồ Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 19/2/42 đường Đ, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Chị Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 19/2/42 đường Đ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu vực 3, phường An Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hồ Văn L và chị Ngô Thị Mỹ D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là Hồ Thị Diệu H, sinh ngày 14/12/2019 và Hồ Thị Diệu N, sinh ngày 19/8/2022 cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hồ Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng (750.000 đồng/tháng/cháu). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hồ Văn L và chị Ngô Thị Mỹ D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Hồ Văn L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh L đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2021/0005986 ngày 22/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường P, TP Huế;
- (ĐKKH số 79 ngày 04/9/2019)
- Lưu án;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế